

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

V/v: “Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Định Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Liên.
2. Nguyễn Lam Điền.

Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn: Bà Phạm Thị Thủy -Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn xét xử công khai vụ án thụ lý số: 183/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H - sinh năm 1981.(có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1980.(có mặt)

Địa chỉ: Thôn M , xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2020 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới theo phong tục về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay tại địa phương Thôn M, xã T, huyện B. Do không hiểu pháp luật về hôn nhân nên bà và ông H không đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong quá trình chung sống như vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, do tính tình không hợp, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, tình cảm không thể hàn gắn được. Do đó, bà làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau có 02 con chung là Nguyễn Văn V – sinh năm 1999; Nguyễn Thị Thùy Tr – sinh năm 2002, hiện nay các con chung đều đã thành niên và học đại học nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, quá trình chung sống bà và ông H có tạo dựng được một số tài sản chung tuy nhiên trong quá trình giải quyết tại tòa án, bà và ông H đã tự nguyện lập

văn bản thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản nên bà có đơn xin rút lại phần yêu cầu phân chia tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn H.

Tại bản tự khai đề ngày 04/12/2020 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H thống nhất với trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông thừa nhận có chung sống với bà Bùi Thị H từ năm 1998 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay bà H kiên quyết giải quyết tại Tòa án, ông chấp nhận giải quyết không công nhận vợ chồng với bà Bùi Thị H.

- Về con chung: Các con chung là cháu Nguyễn Văn V – sinh năm 1999; Nguyễn Thị Thùy Tr – sinh năm 2002, hiện nay các con chung đều đã thành niên và học đại học nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống có tạo dựng được ít tài sản nhưng ông bà đã tự lập văn bản tự thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 09/11/2020 Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân xác định bà Bùi Thị H với tình trạng hôn nhân: Chưa đăng ký kết hôn với ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp không công nhận vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Bà Hương và ông H đều có lời khai thống nhất, phù hợp với tài liệu chứng cứ thể hiện xác lập đời sống chung từ năm 1998. Vì vậy Tòa án huyện Buôn Đôn xác định quan hệ giữa bà Hương và ông H không phải là quan hệ vợ chồng là có căn cứ.

- Về con chung: Bà Hương và ông H có các con chung là Nguyễn Văn V – sinh năm 1999; Nguyễn Thị Thùy Tr – sinh năm 2002, hiện nay các con chung đều đã thành niên nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H và ông H đã có văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và bà H cũng có đơn xin rút phần yêu cầu phân chia tài sản nên đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra để giải quyết.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H, không chấp nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn H.

Nguyên đơn bà Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú và hiện ở tại thôn M, xã T, huyện B, nên nguyên đơn bà Bùi Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn giải quyết không công nhận vợ chồng. Theo quy định tại Khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H chung sống tại địa phương từ năm 1998 được Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa xác nhận không đăng ký kết hôn tại địa phương và không kết hôn với ai. Ông H và bà H không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái quy định pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn H.

Tình trạng chung sống vợ chồng giữa bà H và ông H là trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, do tính tình không hợp, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, tình cảm không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể duy trì; mục đích hôn nhân không đạt được do tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà Bùi Thị H đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

- Về con chung: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn H có con chung là các cháu Nguyễn Văn V – sinh năm 1999; Nguyễn Thị Thùy Tr – sinh năm 2002, hiện nay các con chung đều đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H và ông H đã có văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản chung vào ngày 12/01/2021 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn. Ngày 13/01/2021 bà Bùi Thị H cũng có đơn xin rút phần yêu cầu phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị H tự nguyện nhận nộp số tiền 1.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bà H đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: - Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn H .

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về yêu cầu phân chia tài sản chung.

2. Về con chung: Các con chung Nguyễn Văn V – sinh năm 1999; Nguyễn Thị Thùy Tr – sinh năm 2002 đều đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị H tự nguyện nhận nộp số tiền 1.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bà H đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.425.000 đồng theo biên lai số 0010753 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn. Hoàn trả số tiền còn lại là 3.125.000 đồng (ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho bà Bùi Thị Hương.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Huỳnh Định Tình